CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đại lý Vận tải SAFI

Ngày 31/03/2024	35,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.0%	**12.3%**	**9.7%**

DT thuần
Q1/24
232
tỷ VNĐ
QoQ: ▼38.0| -14.0%
YoY: ▼73.0| -23.9%

LN thuần
Q1/24
19.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.90| -16.2%
YoY: ▼8.30| -29.3%

LN sau thuế
Q1/24
16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10| -11.5%
YoY: ▼5.80| -26.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
8.9%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE (TTM)
Q1/24
11.7%
YoY: +/-▼ 0.6%

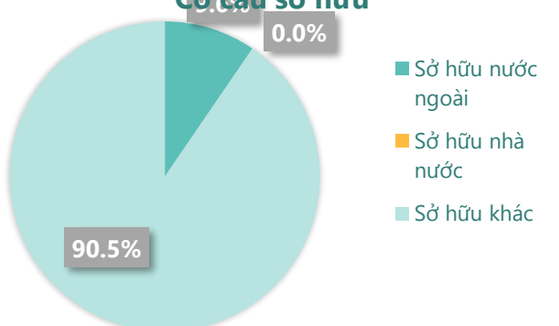
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	30,150 - 37,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	786
Số lượng CPLH (CP)	22,086,034
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,025
Sở hữu nước ngoài	9.6%
Beta	0.16
EPS	3,992
P/E	8.9

DT thuần
2023
1,018
tỷ VNĐ
YoY: ▼706| -41.0%

LN thuần
2023
127
tỷ VNĐ
YoY: ▼141| -52.6%

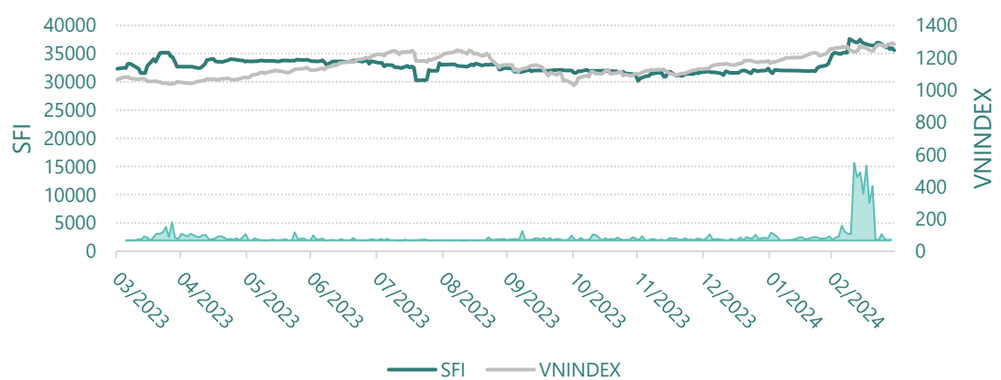
LN sau thuế
2023
103
tỷ VNĐ
YoY: ▼111| -51.9%

Cơ cấu sở hữu

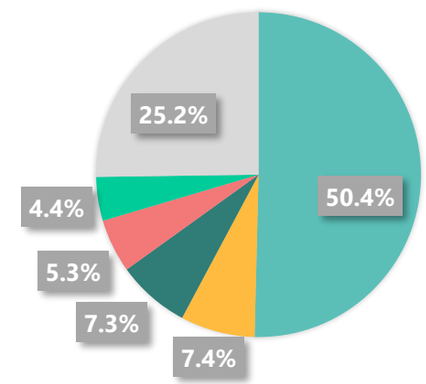


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

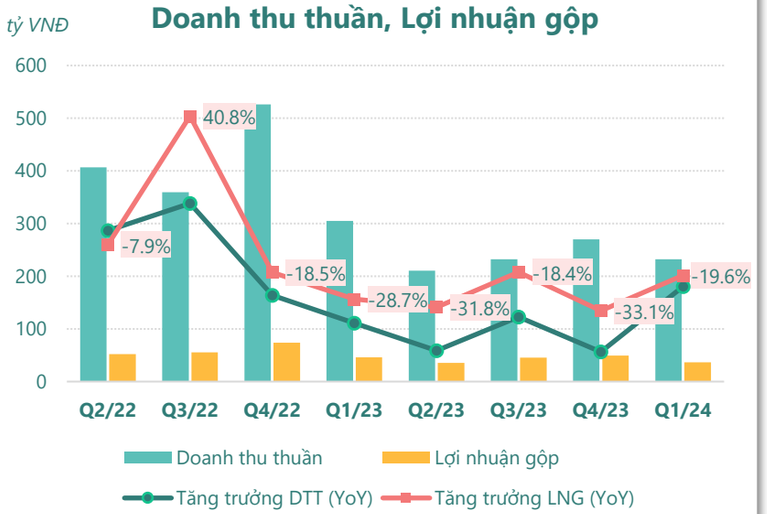


- CTCP Đầu tư NMVT
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- CTCP Đại lý Vận tải SAFI
- Nguyễn Hoàng Dũng (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Dung Nhi
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

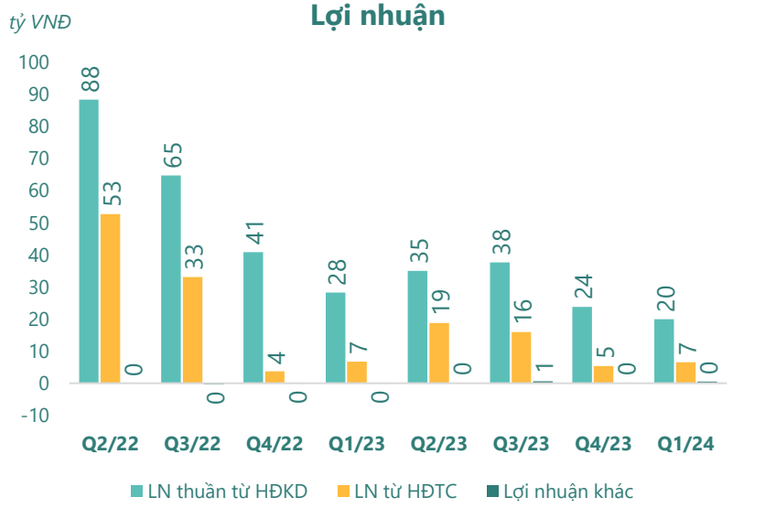
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



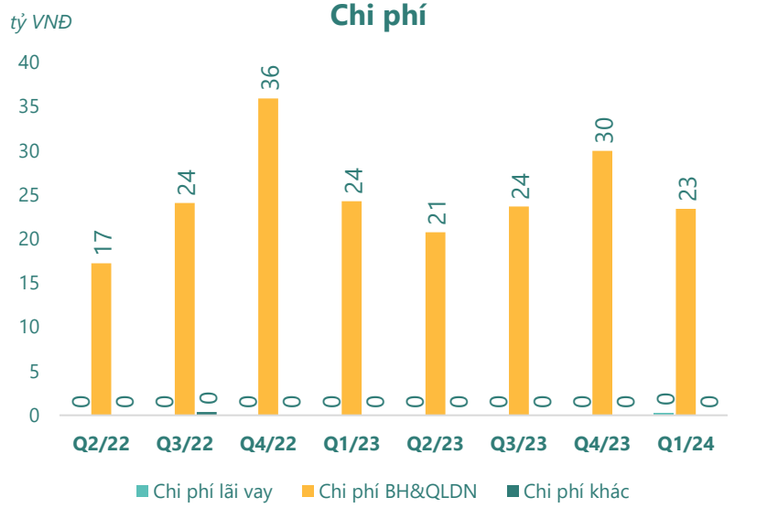
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



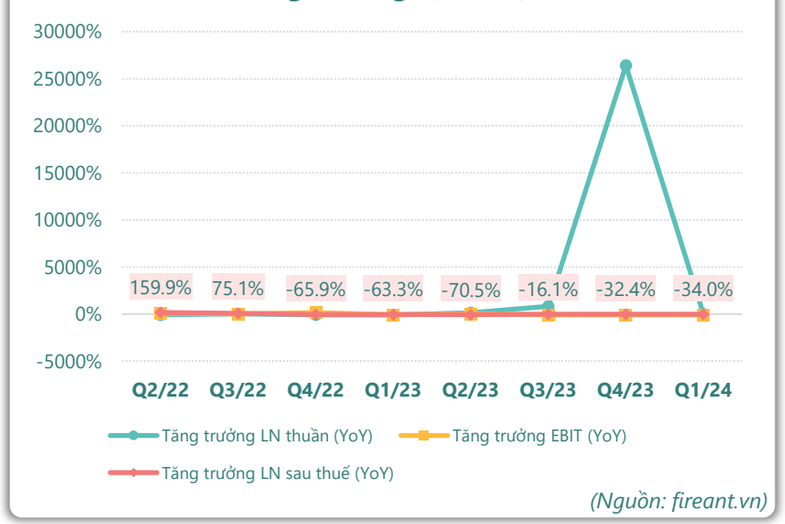
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



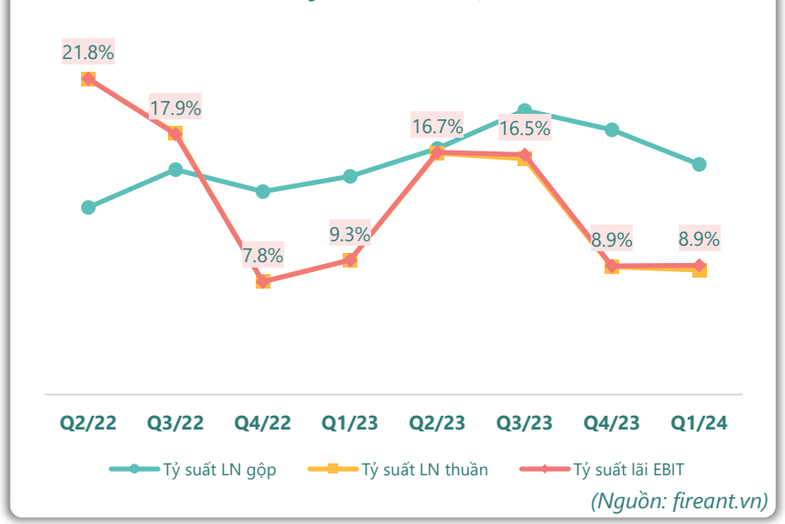
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



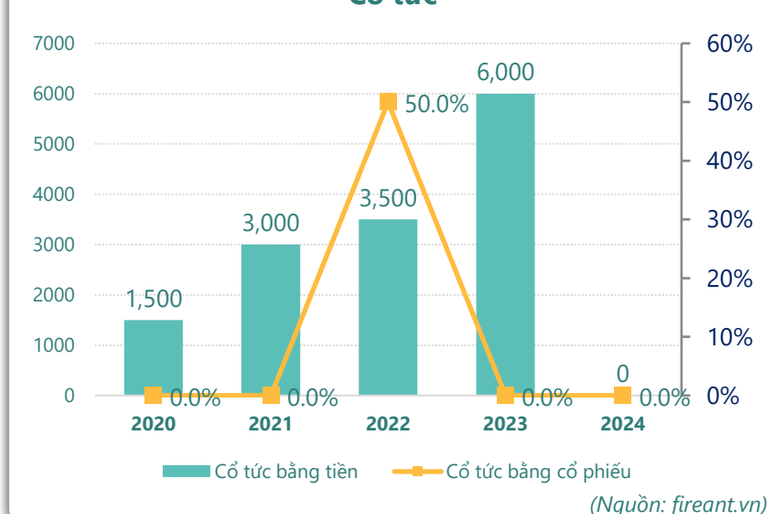
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

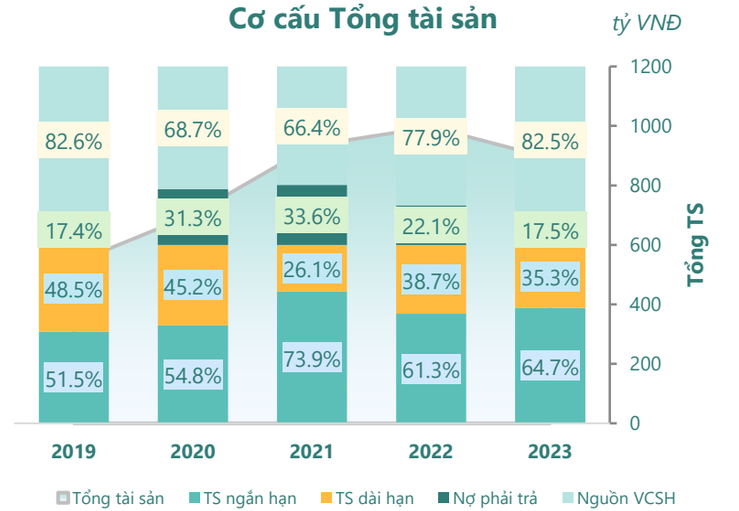
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

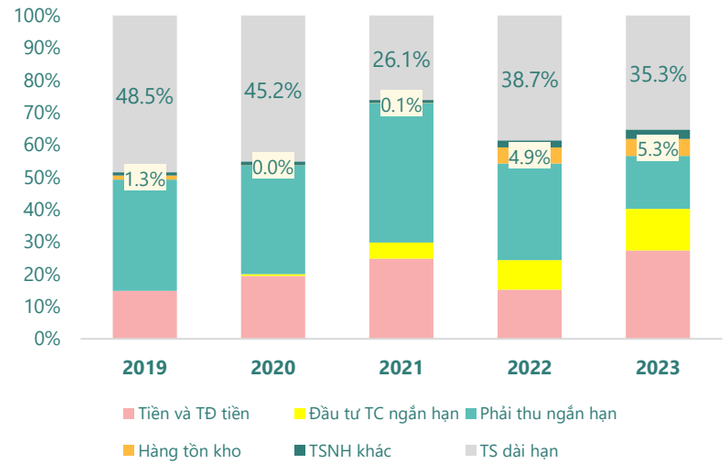
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



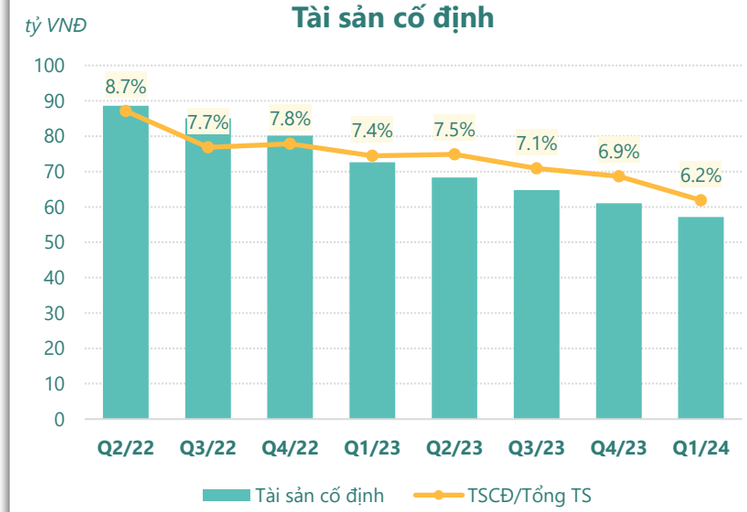
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



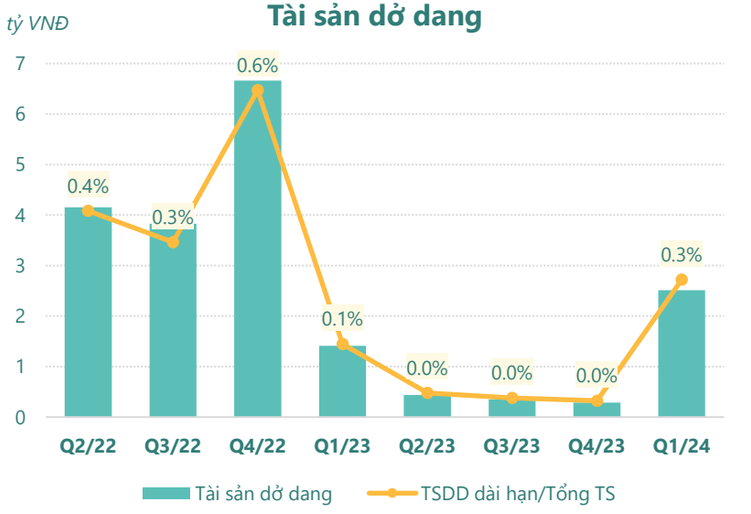
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



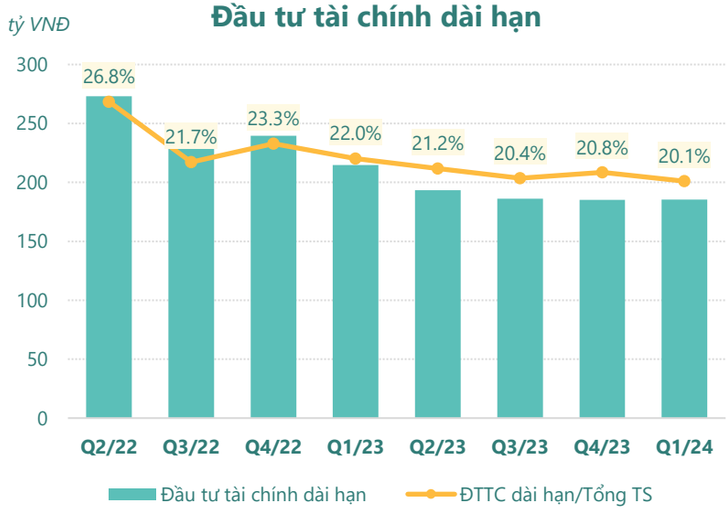
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



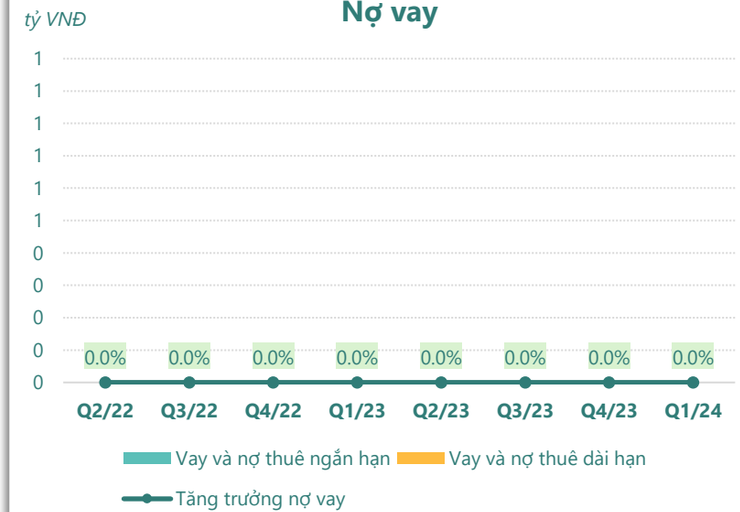
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

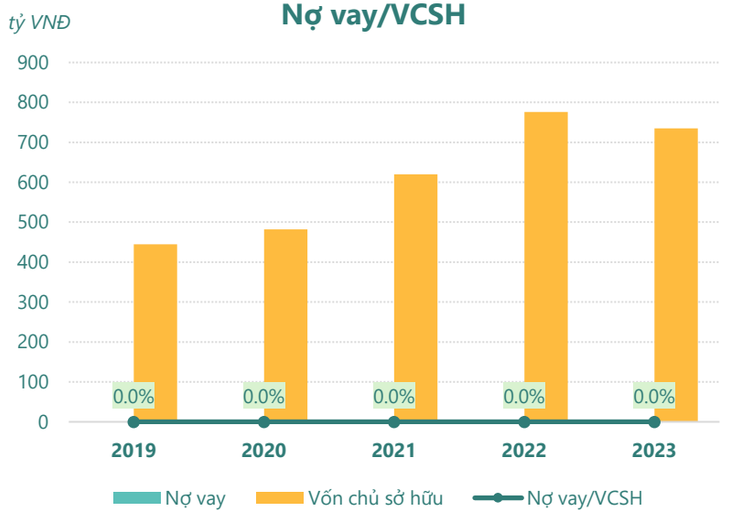
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

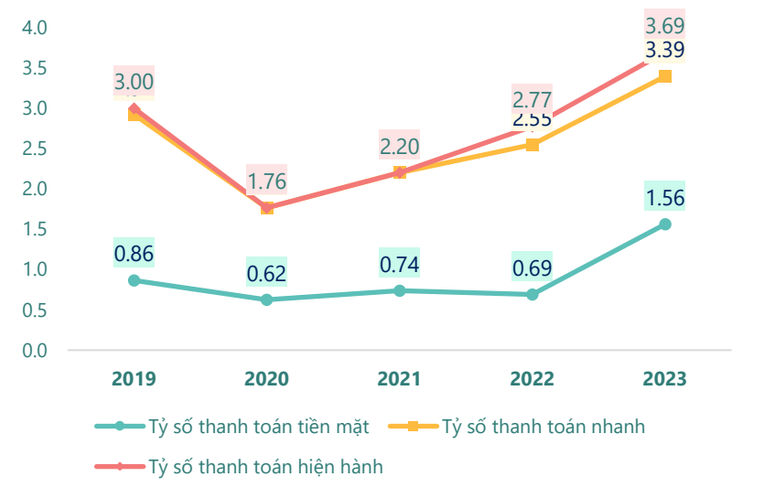
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



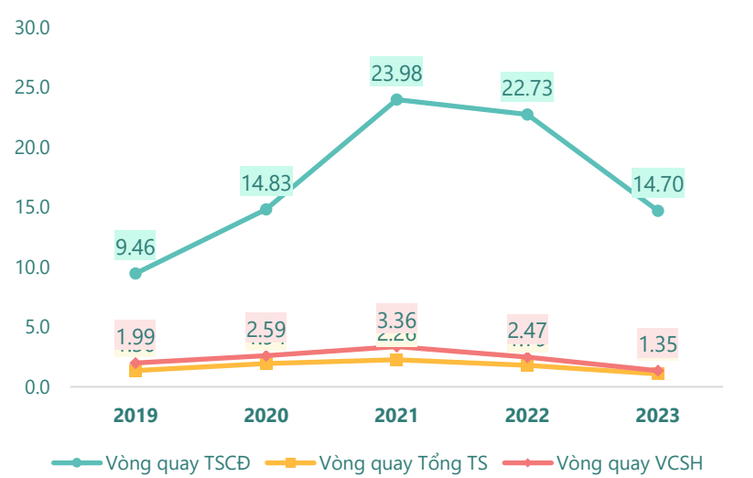
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



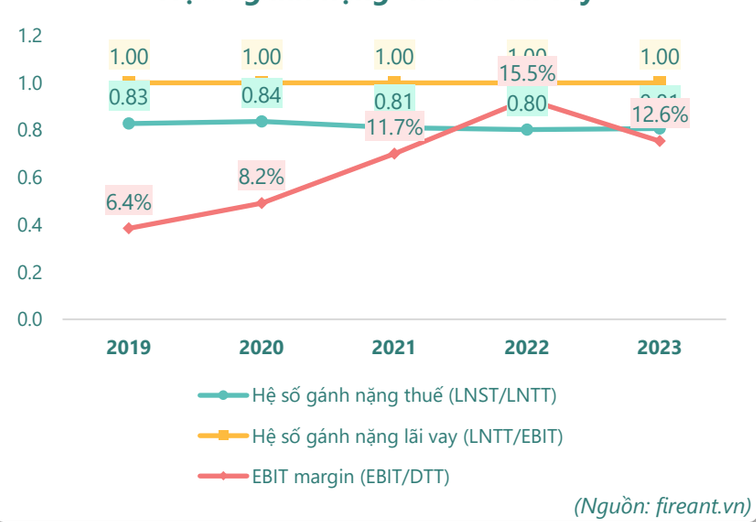
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



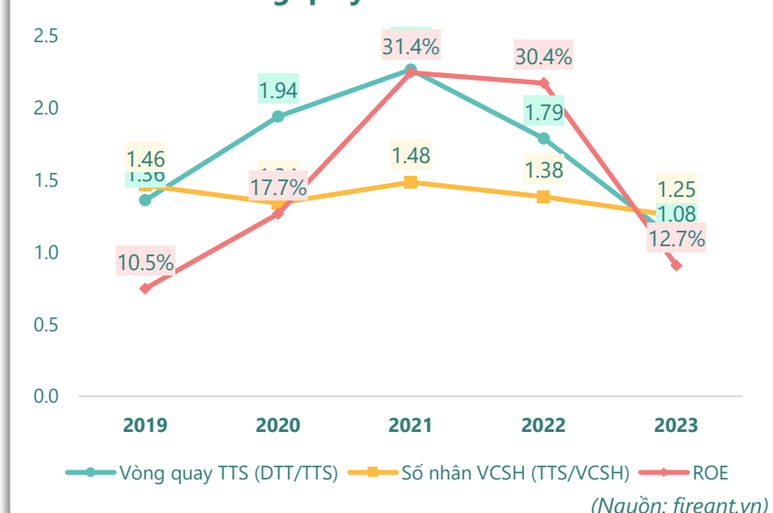
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



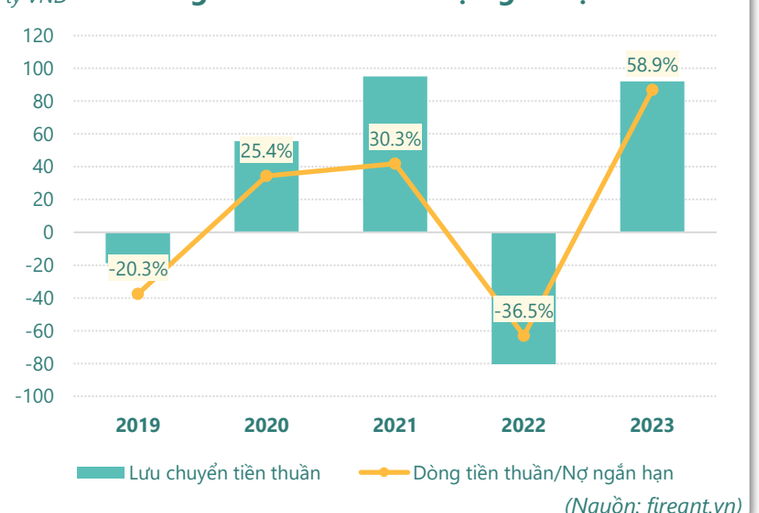
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**232**	**305**	**-23.9%**	**1,018**	**1,724**	**-41.0%**
Giá vốn hàng bán	195	259	-24.6%	841	1,483	-43.3%
Lợi nhuận gộp	36.8	45.8	-19.6%	176	241	-27.0%
Doanh thu HĐTC	6.84	10.8	-36.6%	51.6	134	-61.5%
Chi phí TC	0.32	4.13	-92.2%	4.84	6.17	-21.5%
Chi phí lãi vay	0.26	0.00		0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**2.61**	**-3.25**	**180%**
Chi phí bán hàng	16.5	17.3	-4.3%	75.0	75.2	-0.3%
Chi phí QLDN	**6.86**	**7.02**	**-2.3%**	**23.7**	**23.1**	**2.4%**
LN thuần từ HĐKD	19.9	28.2	-29.3%	127	268	-52.6%
Lợi nhuận khác	**0.50**	**0.00**		**0.92**	**-0.30**	**407%**
LN trước thuế	20.4	28.2	-27.6%	128	267	-52.2%
Lợi nhuận sau thuế	**16.6**	**22.4**	**-26.1%**	**103**	**214**	**-51.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.4**	**21.9**	**-25.1%**	**95.9**	**212**	**-54.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-97.0	79.9	64.3	69.7	-54.7	62.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	110	-6.33	60.3	-43.1	59.9	-34.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.05	0	-132	0	-5.48	0
Tiền đầu kỳ	144	152	224	218	248	244
Lưu chuyển tiền thuần	**21.2**	**73.5**	**-7.89**	**26.6**	**-0.24**	**28.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	-5.85	-1.61	2.03	3.17	-3.77	3.14
Tiền cuối kỳ	159	224	218	248	244	275

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**923**	**891**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	613	577	6.3%
Tiền và tương đương tiền	275	244	12.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.7	114	-35.4%
Phải thu ngắn hạn	189	146	29.4%
Hàng tồn kho	48.7	46.9	3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	26.4	25.9	2.1%
Tài sản dài hạn	**310**	**314**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0.25	0.25	0.0%
Tài sản cố định	57.1	61.0	-6.4%
Bất động sản đầu tư	60.7	60.7	0.0%
Tài sản dở dang	2.51	0.29	771%
Đầu tư tài chính dài hạn	186	187	-1.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.09**	**4.57**	**-10.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	176	156	12.6%
Nợ ngắn hạn	**176**	**156**	**12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	119	124	-4.1%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**747**	**735**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**747**	**735**	**1.7%**
Vốn điều lệ	238	238	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)